

**VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**  
**KHOA LUẬT**

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CHUYÊN MÔN**

**ĐỀ TÀI: THỰC TRẠNG BẤT CẬP TRONG PHÁP  
LUẬT THUẾ THU NHẬP TẠI ĐỊA PHƯƠNG CHI  
CỤC THUẾ AYUN\_PA**

Họ và tên sinh viên: Đặng Hoàn Vũ

Mã số sinh viên: 16C-51-35.0-02674

Lớp: K16 Luật Kinh Tế

Địa điểm học tập: TTGD TX Tỉnh Gia Lai

NĂM 2019

## MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	1
1.1. Lý do chọn đề tài	1
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	2
1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
1.4. Phương pháp nghiên cứu	3
1.5. Bố cục báo cáo	3
PHẦN 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI GIA LAI	4
2.1. Giới thiệu sơ lược về chi cục thuế Ayun_Pa	4
2.2. Tình huống vi phạm hình chính về thuế thu nhập cá nhân	4
2.3. Quản lý đối tượng nộp thuế	9
2.3.1. Xác định đối tượng nộp thuế	9
2.3.2. Quản lý thông tin người nộp thuế	10
2.3.3. Đăng ký và cấp mã số thuế	12
2.3.3.1. Về đăng ký thuế	12
2.3.3.2. Về cấp mã số thuế cá nhân	13
2.4. Quản lý thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân	18
2.5. Quản lý kê khai và quyết toán thuế thu nhập cá nhân	18
2.5.1. Quản lý kê khai thuế thu nhập cá nhân	18
2.5.2. Quản lý quyết toán thuế thu nhập cá nhân	19
2.6. Quản lý việc miễn thuế, giảm thuế và hoàn thuế thu nhập cá nhân	22
2.6.1. Quản lý việc miễn thuế thu nhập cá nhân	22
2.6.2. Quản lý việc giảm thuế thu nhập cá nhân	24
2.6.2.1. Giám trừ gia cảnh	24
2.6.2.2. Giám trừ đối với các khoản đóng bảo hiểm, Quỹ hưu trí tự nguyện	24
2.6.2.3. Giám trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học	25
2.6.3. Quản lý việc hoàn thuế thu nhập cá nhân	25
2.7. Quản lý việc kiểm tra, thanh tra thuế thu nhập cá nhân và xử lý vi phạm	26
2.8. Quản lý việc ứng dụng công nghệ thông tin	29
PHẦN 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	31

3.1. Tăng cường các biện pháp quản lý thông tin người nộp thuế	31
3.2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện quy định pháp luật về nộp thuế điện tử	32
3.3. Tích cực tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế và xử lý vi phạm pháp luật thuế TNCN	33
KẾT LUẬN	35
TÀI LIỆU THAM KHẢO	36

## **DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

BHXH	: Bảo hiểm xã hội
CMND	: Chứng minh nhân dân
CNTT	: Công nghệ thông tin
MST	: Mã số thuế
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
NNT	: Người nộp thuế
NSD	: Người sử dụng
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
QTT	: Quyết toán thuế
TNCN	: Thu nhập cá nhân
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
TTHC	: Thủ tục hành chính
TTKDTM	: Thanh toán không dùng tiền mặt
UBND	: Ủy ban nhân dân

# PHẦN 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

## 1.1. Lý do chọn đề tài

Để đảm bảo phát triển kinh tế xã hội ổn định, bền vững và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay, việc hoàn thiện các chính sách tài chính trong đó có hệ thống chính sách thuế nói chung, thuế TNCN nói riêng là việc hết sức cần thiết, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ phân bổ nguồn lực đồng thời giải quyết tốt các mối quan hệ giữa tiết kiệm, đầu tư và tiêu dùng, giữa tăng trưởng với công bằng xã hội và xoá đói giảm nghèo.

Thực hiện chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ X về chính sách thuế theo hướng “Áp dụng thuế TNCN thống nhất và thuận lợi cho mọi đối tượng chịu thuế, bảo đảm công bằng xã hội và tạo động lực phát triển...”, Quốc hội đã thông qua Luật thuế TNCN ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế TNCN năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 nhằm mục đích đảm bảo công bằng trong điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư, góp phần hạn chế khoảng cách về thu nhập trong xã hội và khuyến khích mọi cá nhân lao động, sản xuất kinh doanh, gia tăng thu nhập để làm giàu chính đáng. Tuy nhiên để luật thuế TNCN phát huy tính hiệu quả và mục tiêu ban đầu đã được đặt ra thì yếu tố quyết định chính là công tác quản lý thuế TNCN. Hiện nay, khi nền kinh tế của nước ta đang ngày càng phát triển, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thì nhu cầu chi tiêu của Nhà nước để giải quyết các vấn đề an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế,... cũng ngày càng gia tăng; thêm vào đó, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế dẫn đến việc thu ngân sách cũng thay đổi theo hướng nguồn thu từ tích lũy trong nước được tăng dần và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu NSNN. Thuế TNCN cũng như các sắc thuế khác đều góp phần ổn định thu cho NSNN trong quá trình hội nhập. Vì vậy, việc quản lý thuế TNCN cần phải từng bước thực hiện được việc quản lý các đối tượng nộp thuế, các khâu trong quá trình thực hiện việc thu thuế, tiến tới kiểm soát được thu nhập nhưng vẫn phải đảm bảo tính công bằng, minh bạch và công

khai, nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ cho công tác hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ, mà cụ thể là Chiến lược cải cách và hiện đại hoá hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020.

Trên thực tế, luật thuế TNCN đã được triển khai thực hiện trong hơn sáu năm qua, với rất nhiều những quy định mới về đối tượng nộp thuế, hay thu nhập chịu thuế

TNCN, được cụ thể hoá trong luật theo hướng hoàn thiện hơn, đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Vậy là, ứng với những điểm mới của luật thuế TNCN, cũng cần phải có những quy định mới trong việc quản lý thuế TNCN, sao cho việc quản lý đạt được hiệu quả tốt nhất, tránh tình trạng “thất thu thuế” đã và đang diễn ra trong thực tiễn. Vấn đề đặt ra ở đây là: việc cụ thể hoá công tác quản lý thuế TNCN trong các văn bản quy phạm pháp luật được thể hiện như thế nào? Thực trạng của pháp luật về quản lý thuế TNCN ra sao? Và đâu là giải pháp để khắc phục phần nào những thực trạng đó?

Xuất phát từ sự cần thiết của pháp luật trong công tác quản lý thuế TNCN, cũng như từ những vấn đề phát sinh thực tế trong việc thực thi pháp luật về quản lý thuế TNCN ở trên, nên tôi đã chọn đề tài “***Pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp***” làm đề tài nghiên cứu.

## **1.2. Mục tiêu nghiên cứu**

Với việc nghiên cứu đề tài “Pháp luật về quản lý thuế TNCN ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”, tác giả mong muốn, trước hết là tìm hiểu các quy định của pháp luật về vấn đề này và thực tế, các quy định đó đã và đang được áp dụng như thế nào? Sau khi đã có một cách nhìn tổng quát về quản lý thuế TNCN, cùng với việc đưa ra những kiến nghị giải pháp để hoàn thiện các vấn đề pháp lý; báo cáo sẽ mang đến “cách nhìn chân thực nhất”, qua đó, cơ quan Nhà nước sẽ có những định hướng cũng như có thể khắc phục được những mặt hạn chế của pháp luật thuế TNCN, giúp cho việc quản lý các đối tượng nộp thuế được tốt hơn, góp phần ổn định nguồn thu lâu dài cho NSNN.

Báo cáo sẽ hướng tới những mục tiêu cụ thể sau:

- Phân tích những quy định pháp luật, từ đó nhận xét và đánh giá việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn, những mặt đã đạt được và những mặt hạn chế của các quy định pháp luật trong công tác quản lý thuế TNCN.
- Nghiên cứu những quy định pháp luật về quản lý thuế TNCN của Việt Nam so với một số quốc gia khác trên thế giới từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.
- Thông qua việc phân tích thực trạng, và học hỏi kinh nghiệm nước ngoài, từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm góp phần cải thiện và nâng cao hiệu lực thi hành, hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật quản lý thuế TNCN, phù hợp với tình hình kinh tế xã hội ở Việt Nam hiện nay.

## **1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

***Đối tượng nghiên cứu của đề tài*** là nghiên cứu các quy định pháp luật về quản lý thuế TNCN. Việc thực thi các quy định pháp luật đó trong thực tiễn.

### ***Phạm vi nghiên cứu của đề tài***

*Xét về mặt lý luận:* phạm vi nghiên cứu đề tài là trong khuôn khổ những quy định pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về thuế TNCN. Bên cạnh đó, báo cáo cũng tham khảo thêm những kinh nghiệm của pháp luật nước ngoài về pháp luật quản lý thuế TNCN.

*Xét về mặt thực tiễn* những số liệu được thống kê đề cập tới trong nội dung các phần phân tích được cập nhật từ thực tiễn tại một số chi cục thuế trong cả nước.

Báo cáo tập trung nghiên cứu hoạt động quản lý thuế TNCN của Nhà nước đối với các chủ thể nộp thuế mà không tiếp cận vấn đề quản lý thuế của bản thân các đối tượng nộp thuế.

### **1.4. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu là các phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp so sánh, thống kê, khảo sát thực tế, ...

Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê: nghiên cứu thực tiễn áp dụng của luật thuế TNCN qua các số liệu, thống kê thu thập được.

Phương pháp hệ thống: coi pháp luật quản lý thuế TNCN là một bộ phận cấu thành của pháp luật quản lý thuế để tiến hành nghiên cứu.

Phương pháp so sánh: Nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của pháp luật nước ngoài về thuế TNCN, qua đó học hỏi kinh nghiệm và rút ra những “bài học” để sửa đổi các quy định pháp luật phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của quốc gia mình, trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế TNCN ở Việt Nam.

### **1.5. Bố cục báo cáo**

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, phần nội dung chính của báo cáo được kết cấu thành ba chương

*Chương 1:* Khái quát về pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân

*Chương 2:* Thực trạng pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam.

*Chương 3:* Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam

**XEM THÊM**

**DỊCH VỤ VIẾT THUÊ LUẬN VĂN THẠC SĨ**

<https://luanvantot.com/dich-vu-viet-thue-luan-van-thac-si/>

**KHO 200 ĐỀ TÀI LÀM LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH**

**DOANH**

<https://luanvantot.com/de-tai-viet-luan-van-thac-si-quan-tri-kinh-doanh/>

**DỊCH VỤ KIỂM TRA ĐẠO VĂN VÀ SỬA ĐẠO VĂN**

<https://luanvantot.com/dich-vu-kiem-tra-dao-van-chinh-sua-dao-van/>

**20 LỜI CAM ĐOAN TRONG LUẬN VĂN THẠC SĨ**

<https://luanvantot.com/15-loi-cam-doan-trong-luan-van-thac-si-hay-nhat/>

**20 LỜI CẢM ƠN TRONG LUẬN VĂN THẠC SĨ**

<https://luanvantot.com/15-loi-cam-on-luan-van-thac-si-hay-nhat/>

# **PHẦN 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CHI CỤC THUẾ AYUNPA - GIA LAI**

## **2.1. Giới thiệu sơ lược về chi cục thuế Ayun\_Pa**

CHI CỤC THUẾ AYUNPA

Mã số thuế: 5900180756-008

Địa chỉ: TT.AyunPa, , Thị xã Ayun Pa, Gia Lai

Đại diện pháp luật: NGUYỄN AN

Ngày cấp giấy phép: 22/08/2005

## **2.2. Tình huống vi phạm hình chính về thuế thu nhập cá nhân**

**“Xử lý vi phạm hành chính về thuế Thu nhập cá nhân đối với Công ty Phú Thịnh Gia”.**

Tóm tắt tình huống:

Theo quy định của pháp luật, các đơn vị kinh doanh phải xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của một niên độ kế toán (01/01 đến 31/12) hàng năm, thông qua các hình thức báo cáo (quyết toán thuế, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán phát sinh, bảng lưu chuyển tiền tệ, bảng thuyết minh báo cáo tài chính ). Tuy nhiên trong thực tế, việc báo cáo, quyết toán thuế còn rất nhiều hạn chế, người nộp thuế do khách quan hoặc chủ quan, vô tình hoặc cố ý, lợi dụng kẽ hở pháp luật hoặc chính sách pháp luật hướng dẫn chưa rõ ràng để trốn tránh nghĩa vụ thuế. Mặt khác người nộp thuế còn vướng nhiều sai phạm rất cơ bản đối với công tác thực thi nghĩa vụ thuế.

Công ty Phú Thịnh Gia trụ sở chính đặt thị tại 14D Vạn Kiếp, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Gia Lai. Ngành nghề kinh doanh: Xay xát và sản xuất bột thô; Kinh doanh bất động sản; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong đó kinh doanh vật liệu xây dựng là hoạt động chính của công ty. Ngày 14/7/2018 Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định kiểm tra định kỳ tại trụ sở người nộp thuế đối với Công ty Phú Thịnh Gia. Tình huống xử lý và phân tích sau đây là kiểm tra về thuế TNCN.

- Niên độ kiểm tra: 2016 và 2017.
- Loại thuế kiểm tra: Thuế TNCN.
- Nội dung kiểm tra: Chọn mẫu kiểm tra bao gồm các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ đầu tư vốn, thu nhập khác ; Kiểm tra các khoản giảm trừ

theo quy định trong hồ sơ khai thuế và kiểm tra, đối chiếu các khoản thuế TNCN đã nộp vào ngân sách nhà nước.

- Hồ sơ đoàn kiểm tra yêu cầu công ty cung cấp:
- + Sổ sách kế toán.
- + Quyết toán thuế TNCN.
- + Chứng từ nộp thuế vào ngân sách nhà nước.
- + Các bảng kê chi tiết về phát sinh thu nhập chịu thuế, bảng lương, các bảng đăng ký giảm trừ gia cảnh và một số hồ sơ khác có liên quan đến hồ sơ kê khai quyết toán thuế TNCN.

#### Diễn biến tình huống:

Thực hiện công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế của Công ty TNHH CP TM M&T, thời gian kiểm tra kể từ ngày 21/7/2018 đến ngày 23/7/2018 (thời hạn 03 ngày). Kết quả kiểm tra thực tế, đoàn đã ghi nhận số liệu chi tiết qua từng năm như sau:

- Năm 2016: Tổng số thuế phát hiện đối với lĩnh vực tiền lương, tiền công, công ty khai thiếu thuế trên quyết toán thuế năm 2016 là: 18.816.300đ (mười tám triệu tám trăm mười sáu nghìn ba trăm đồng), do công ty thuê lao động bên ngoài không ký hợp đồng lao động (hoặc hợp đồng dưới 03 tháng) mà không khấu trừ thuế trước khi trả thu nhập. Trong đó thu nhập chịu thuế là 53.072.000đ, khấu trừ theo tỷ lệ 20% (cá nhân không có MST) và thu nhập chịu thuế là 82.019.000đ, khấu trừ theo tỷ lệ 10% (cá nhân có MST).

- Năm 2017: Tổng số thuế phát hiện đối với lĩnh vực đầu tư vốn là: 15.625.000đ (mười lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), do công ty chi trả cổ tức cho năm 2012 với số tiền là 312.500.000đ, thuế suất về đầu tư vốn 5% nhưng phát sinh thực trả là vào năm 2017. Công ty nhận định khoản chi trả này là chi trả cổ tức cho năm 2016 thuộc vào trường hợp miễn thuế đối với thu nhập từ cổ tức phát sinh từ ngày 01/8/2015 đến 31/12/2016. Tổng cộng số thuế TNCN công ty phải nộp vào NSNN trong 2 năm như sau: 34.441.300đ. Trong đó:

- + Năm 2016: 18.816.300đ (tiền lương, tiền công).
- + Năm 2017: 15.625.000đ (đầu tư vốn).

#### Phân tích tình huống

Đây là hành vi sai phạm xuất phát từ việc chủ quan của công ty. Trong quá trình xử lý cần cân nhắc kỹ các yếu tố khách quan, nhằm hài hòa trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và quản lý thuế nói riêng, góp phần tích cực vào việc phát triển các mặt của đời sống kinh tế - xã hội.

#### Cơ sở pháp lý để phân tích, xử lý tình huống:

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 21/06/2019 của Quốc hội khóa XIV, quy định: “Điều 30. Nguyên tắc khai thuế và tính thuế: 1. Người nộp thuế phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và nộp đủ các loại chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế với cơ quan quản lý thuế”.

- Luật thuế TNCN số 04/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội khóa XIV, quy định:

“Điều 12. Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn:

1. Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn là tổng số các khoản thu nhập từ đầu tư vốn quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật này mà đối tượng nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú:

1. Trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế được quy định như sau: Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế vào ngân sách nhà nước và quyết toán thuế đối với các loại thu nhập chịu thuế trả cho đối tượng nộp thuế”.

- Thông tư số 113/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 62/2015/TT-BTC ngày 27/3/2015, Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 11/01/2016 và Thông tư số 12/2017/TT-BTC ngày 26/01/2017:

“Điều 1. Các tổ chức, cá nhân chi trả tiền hoa hồng đại lý bán hàng hoá; tiền lương, tiền công, tiền dịch vụ khác, tiền chi khác cho cá nhân thực hiện các dịch vụ có tổng mức trả thu nhập từ 1.000.000 đồng/lần trở lên thì thực hiện khấu trừ thuế trước khi trả thu nhập cho cá nhân theo hướng dẫn sau: Áp dụng mức khấu trừ theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trả cho các cá nhân có mã số thuế và 20% đối với cá nhân không có mã số thuế, trừ các trường hợp Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn mức tạm khấu trừ riêng (như tiền hoa hồng đại lý bảo hiểm, tiền hoa hồng đại lý xổ số)”.

3. Cơ quan thuế xác định số tiền thuế thiếu, số tiền phạt; số ngày chậm nộp tiền thuế, tiền phạt chậm nộp tiền thuế và ra quyết định xử phạt đối với người nộp thuế”.

- Tại Khoản 2, 3 Điều 10 của Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/10/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế (có hiệu lực từ ngày 15/12/2017): “Mức xử phạt đối với

các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này là 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm cao hơn so với mức quy định của pháp luật về thuế”.

- Tại Điểm a, Khoản 1 Điều 11 Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16/10/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế: “Người nộp thuế có hành vi trốn thuế, gian lận thuế quy định tại Điều 108 của Luật quản lý thuế thì bị xử phạt theo số lần tính trên số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, như sau:

1. Phạt tiền 1 lần tính trên số thuế trốn, số thuế gian lận đối với người nộp thuế vi phạm lần đầu không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này hoặc vi phạm lần thứ hai mà có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên khi có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế sau 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và Khoản 5 Điều 32 của Luật quản lý thuế hoặc kể từ ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế quy định tại Điều 33 của Luật quản lý thuế, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 7 Nghị định này.”

- Tại Khoản 1, 2 Điều 32 Nghị Định 156/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 22/7/2017 của Chính phủ:

“2. Xác định tiền chậm nộp tiền thuế

a) Đối với khoản tiền thuế nợ phát sinh từ ngày 01/7/2013 thì tiền chậm nộp được tính như sau: 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đến ngày thứ 90 (chín mươi); 0,07% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp kể từ ngày chậm nộp thứ 91 (chín mươi mốt) trở đi.”

Nguyên nhân:

Công ty hoạt động kinh doanh với chức năng nhiều ngành nghề, mạng lưới địa bàn hoạt động rộng, những sai phạm dẫn đến kê khai thiếu số thuế TNCN mà qua kiểm tra phát hiện, được thể hiện như sau:

- Công tác chuyên môn, nghiệp vụ, công ty không thường xuyên liên hệ với cơ quan thuế ( Phòng TT-HT NNT), thiếu trao đổi, cập nhật kịp thời những thông tin về những thay đổi chính sách pháp luật, về các loại thuế, phí mà nhà nước đã ban hành, sửa đổi.

- Đối với thuế TNCN về tiền lương, tiền công: Tại khoản 1, Mục II Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính quy định: “Khấu trừ thuế là việc

tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của đối tượng nộp thuế trước khi trả thu nhập”, công ty là đơn vị trả thu nhập, không thực hiện đúng theo chính sách thuế quy định: không khấu trừ thuế đối với khoản thu nhập trả cho các cá nhân không có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng dưới 03 tháng trong đơn vị.

- Đối với thuế TNCN về đầu tư vốn: Tại khoản 1, Điều 11 Thông tư 154/2017/TT-BTC ngày 11/11/2017 của Bộ Tài chính quy định: “ Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ cổ tức mà cá nhân thực nhận từ ngày 01/8/2017 đến hết ngày 1/12/2018 do đầu tư vào thị trường chứng khoán, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp”, tức là thời gian chi trả cổ tức trong khoảng thời gian quy định trên mà người thực nhận cổ tức thì được miễn thuế theo quy định. Tuy nhiên công ty chi trả cổ tức ngoài khoảng thời gian được miễn trên (trả vào năm 2018) nhưng không kê khai khoản thu nhập này, không thực hiện quyết toán năm 2013 và nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo đúng thời gian quy định.

### 2.3 Hậu quả:

Qua kiểm tra tại trụ sở công ty, đoàn kiểm tra phát hiện các khoản thuế TNCN không kịp thời kê khai, quyết toán và nộp thuế, người nộp thuế có tính chủ quan:

Thứ nhất: Đơn vị chi trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công, mỗi lần chi trả thu nhập không đồng đều có khi cao hoặc có khi thấp (thu nhập có lúc bổ sung thêm tiền thương...), đơn vị cứ cho rằng các khoản thu nhập đã chi trả trên, sau khi giảm trừ các khoản giảm trừ gia cảnh, giảm trừ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, giảm trừ từ thiện, nhân đạo..., thì phần thu nhập tính thuế không vượt ngưỡng phải chịu thuế thu nhập cá nhân, vì lẽ đó đơn vị không kê khai, không quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Đối với các cá nhân không ký hợp đồng lao động hoặc hợp đồng dưới 03 tháng, công ty chỉ việc trả tiền lương mà không làm trách nhiệm khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% (cá nhân có MST) và 20% (cá nhân không có MST) đối với thu nhập từ 1.000.000đ/lần trở lên trước khi trả thu nhập cho người lao động, dẫn đến việc không khai nộp thuế với khoản trả thu nhập này. (Từ 01/7/2018 Thông tư 111/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/8/2018 quy định tổng mức trả thu nhập từ 2.000.000đ/lần trở lên thì khấu trừ theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân).

Thứ hai: Đơn vị chi trả cổ tức cho các cổ đông, đơn vị cứ cho là khoản thu chịu thuế trên là khoản thu nhập được quy định miễn thuế thu nhập cá nhân (đối với đầu tư vốn). Tuy nhiên theo quy định: Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ cổ tức mà cá nhân thực nhận từ ngày 01/8/2017 đến hết ngày 31/12/2018 do đầu tư vào thị trường chứng khoán, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp, điều đó có nghĩa là

khoản thu nhập trên, thông qua các quyết định phê duyệt của hội đồng quản trị, các chứng từ thực chi của đơn vị (thực nhận của cổ đông), phát sinh năm 2018 ngày nhưng thực nhận là vào năm 2017. Do đó khoản thu nhập chia cổ tức trên không thuộc phạm vi nằm trong thời gian được miễn thuế, được quy định tại Thông tư số 154/2018/TT-BTC ngày 11/11/2018 Hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị Quyết số 08/2018/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Công ty không khấu trừ khoản thu nhập này trước khi trả cổ tức cho cổ đông, không khai thuế và nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

### Kết luận

Việc phân tích, đánh giá tình huống ở trên đã thể hiện tương đối rõ những hạn chế của người nộp thuế trong cách nhận thức, hiểu biết, về chính sách pháp luật thuế theo cơ chế tự khai tự nộp, người nộp thuế lợi dụng vào đó để cố ý hoặc vô tình vi phạm. Từ đó, dẫn tới quản lý NNT gặp nhiều khó khăn. Pháp luật quản lý thuế chưa thể hiện hết được vai trò của mình, bởi nét đặc trưng của thuế TNCN, tính tự giác tuân thủ của NNT và thông tin NNT rất quan trọng trong công tác đảm bảo thực hiện thu đúng, thu đủ thuế.

Tình huống trên phần nào đã diễn tả được những bất cập trong thực trạng pháp luật quản lý thuế TNCN hiện nay tại Việt Nam.

## **2.3. Quản lý đối tượng nộp thuế**

### **2.3.1. Xác định đối tượng nộp thuế**

Quản lý đối tượng nộp thuế hay quản lý NNT là một khâu rất quan trọng của quản lý thuế TNCN. Đối tượng nộp thuế TNCN là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật thuế TNCN phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật thuế TNCN phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

Cá nhân cư trú là người đáp ứng đủ hai điều kiện: có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam và có mặt thường xuyên ở Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng cả hai điều kiện trên.

Như vậy, luật thuế TNCN xác định đối tượng nộp thuế dựa theo nguyên tắc nơi cư trú. Việc xác định nơi cư trú của cá nhân cũng là một vấn đề “không đơn giản”. Tuy nhiên không thể phủ nhận mặt tích cực của quy định này, Luật thuế TNCN đã xác định

đối tượng nộp thuế không những là cá nhân trong nước mà còn cả những người nước ngoài, khi họ đủ điều kiện để xác định thuộc đối tượng cư trú tại Việt Nam. Thường thấy, người nước ngoài khi sinh sống và làm việc tại Việt Nam sẽ được hưởng những khoản lợi nhuận lớn và có lương cao hơn so với mặt bằng chung. Chính vì thế, việc đánh thuế vào những đối tượng đặc biệt này đã góp phần quan trọng trong việc tăng nguồn thu NSNN.

Bên cạnh việc xác định nơi cư trú của cá nhân để tạo tiền đề cho hoạt động quản lý thuế TNCN, Tại Điều 6 và Điều 7 Luật quản lý thuế 2019 cũng đã nêu ra khá chi tiết các quyền và nghĩa vụ của NNT, cụ thể quyền lợi của NNT là: được hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế TNCN; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ về thuế TNCN; yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích về việc tính thuế, ấn định thuế; NNT sẽ được giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật và hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế nếu như thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục của thuế TNCN. NNT có thể được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra và có thể khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Song song với việc được hưởng các quyền lợi, NNT cũng cần phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình như đăng ký thuế, sử dụng MST TNCN theo quy định của pháp luật; thực hiện việc khai thuế TNCN một cách tự giác, chính xác, ghi chép trung thực, đầy đủ những hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, khấu trừ thuế và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; hơn nữa NNT cần cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, số liệu và nội dung giao dịch làm phát sinh thuế TNCN, giải thích việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế và chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

### **2.3.2. Quản lý thông tin người nộp thuế**

*“Thông tin về người nộp thuế là cơ sở để thực hiện quản lý thuế, đánh giá mức độ chấp hành pháp luật của người nộp thuế, ngăn ngừa, phát hiện vi phạm pháp luật về thuế”*. Tại Chương IX Luật quản lý thuế (từ Điều 69 đến Điều 74) đã quy định rõ thông tin về NNT.

Nền tảng của quản lý thuế hiện đại chính là hướng đến và phát huy cao nhất tính tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là làm thế nào để cơ quan quản lý thuế có thể phát hiện nhanh chóng, kịp thời đối với hầu hết các đối tượng nộp thuế không tuân thủ pháp luật thuế, trong điều kiện phải tôn trọng và phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người nộp thuế trong thực hiện nghĩa vụ

thuế, mọi hoạt động quản lý thuế của cơ quan thuế phải bảo đảm nguyên tắc không làm cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế. Để giải quyết vấn đề này, nhiều nước áp dụng phương pháp quản lý thuế hiện đại là quản lý thuế trên cơ sở dữ liệu thông tin tổng hợp và kỹ thuật quản lý rủi ro.

Đây là phương pháp quản lý thuế dựa trên lý thuyết xác suất và phân tích rủi ro trên cơ sở những nguồn thông tin về người nộp thuế được thu thập từ người nộp thuế, từ các chủ thể khác có liên quan và sự logic trong những nguồn thông tin đó để xác định đối tượng “có vấn đề” cần phải tập trung quản lý, giám sát. Phương pháp quản lý thuế này có ưu điểm vừa bảo đảm tính khách quan trong việc xác định các đối tượng cần để mắt tới, vừa tạo ra áp lực răn đe vô hình đối với người nộp thuế, tính hiệu quả trong quản lý thuế được nâng cao, tiết kiệm thời gian, nhân lực, chi phí cho cả Nhà nước và người nộp thuế, dân chủ được mở rộng; quyền, trách nhiệm của người nộp thuế được tôn trọng và đề cao. Tuy nhiên, kinh nghiệm quản lý thuế ở một số nước cho thấy một trong những yếu tố quan trọng nhất bảo đảm tính hiệu quả trong quản lý thuế là cơ quan quản lý thuế phải có được hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đầy đủ về người nộp thuế và khả năng ứng dụng tốt những thành tựu về công nghệ thông tin trong thu thập, quản lý và sử dụng các nguồn thông tin về người nộp thuế.

Do đó, thông tin về người nộp thuế được xác định là cơ sở, là xuất phát điểm cho mọi hoạt động quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế. Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về người nộp thuế được khai thác sử dụng trong hầu hết các nghiệp vụ quản lý thuế như: công tác đăng ký thuế; công tác xử lý tờ khai thuế, kế toán thuế, hoàn thuế; công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế thuế; công tác kiểm tra, thanh tra thuế; công tác phân tích dự báo thu ngân sách nhà nước; thông tin báo cáo phục vụ chỉ đạo điều hành và xây dựng chiến lược kế hoạch hoạt động của ngành thuế; cung cấp thông tin báo cáo cho Bộ tài chính và các cơ quan nhà nước có liên quan. Chẳng hạn, để kiểm tra, đánh giá hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế cần có được những thông tin: Hồ sơ khai thuế của người nộp thuế trong kì; số thuế đã nộp của các kì khai thuế trước; thông tin về các giao dịch kinh tế giữa người nộp thuế với tổ chức, cá nhân có liên quan; thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan cung cấp; thông tin khác do cơ quan quản lý thuế thu thập được; các thông tin về người nộp thuế kinh doanh cùng ngành nghề, cùng quy mô tại địa phương; số thuế phải nộp bình quân của một số cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, cùng mặt hàng tại địa phương; các tài liệu kiểm tra thuế, thanh tra thuế của cơ quan quản lý thuế... Từ thông tin về người nộp thuế này, cơ quan thuế xử lý bằng các nghiệp vụ của mình như: phân tích, đối chiếu, so sánh... tìm ra các lỗi vi phạm, các hành vi gian lận, trốn lậu thuế của người nộp thuế, qua đó sẽ

đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, phân loại đối tượng nộp thuế theo các mức độ khác nhau để có biện pháp quản lý thuế thích hợp tiếp theo cho từng loại đối tượng. Đối tượng chấp hành tốt pháp luật thuế, không thấy có dấu hiệu vi phạm, cơ quan thuế khuyến khích tuyên dương. Đối tượng nộp thuế có vi phạm nhỏ, cơ quan quản lý thuế nhắc nhở, yêu cầu sửa chữa, bổ sung, nếu thấy có nghi ngờ hoặc có sự bất hợp lý trong các thông tin, yêu cầu người nộp thuế giải trình hoặc yêu cầu người nộp thuế và người có liên quan cung cấp thêm thông tin để làm rõ. Nếu người nộp thuế không giải trình, không cung cấp thông tin hoặc không chứng minh được tính đúng đắn, chính xác của các số liệu trong hồ sơ khai thuế thì cơ quan thuế sẽ thực hiện việc ấn định thuế hoặc ra quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế để làm rõ vấn đề cơ quan thuế nghi ngờ từ đó định ra hướng xử lý. Đối với đối tượng nộp thuế, qua xem xét và xử lý các nguồn thông tin, cơ quan thuế thấy có dấu hiệu vi phạm lớn hoặc có bằng chứng xác định người nộp thuế cố tình gian lận, trốn lậu thuế thì cơ quan thuế sẽ quyết định thanh tra thuế đối với đối tượng này để có đủ cơ sở kết luận và tiến hành xử lý.

Rõ ràng có thể thấy, tầm quan trọng của thông tin về người nộp thuế trong quản lý thuế được khẳng định trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, và đặc biệt với hoạt động quản lý thuế TNCN, thì cơ chế “tự giác tuân thủ” luôn được ưu tiên đặt lên hàng đầu. Một khi cơ chế đó không được thực hiện thì cần các công cụ để kiểm soát. Vậy là việc thiết lập quản lý thông tin về NNT đầy đủ, chính xác sẽ giải quyết triệt để vấn đề về tính tuân thủ pháp luật của người dân.

### **2.3.3. Đăng ký và cấp mã số thuế**

#### **2.3.3.1. Về đăng ký thuế**

Đăng ký thuế là việc người nộp thuế kê khai những thông tin của người nộp thuế theo mẫu quy định và nộp tờ khai cho cơ quan quản lý thuế để bắt đầu thực hiện nghĩa vụ về thuế với Nhà nước theo các quy định của pháp luật. Tổng Cục Thuế là cơ quan nhà nước có trách nhiệm quản lý về đăng ký thuế và cấp mã số thuế.

Tự khai, tự nộp thuế là cơ chế quản lý thuế, trong đó người nộp thuế được chủ động và tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế của mình theo quy định của pháp luật. Người nộp thuế tự kê khai, tự tính toán số thuế phải nộp, tự nộp thuế cho NSNN theo đúng thời hạn mà Luật quy định và tự chịu trách nhiệm về việc kê khai, nộp thuế của mình. Cơ quan quản lý thuế không can thiệp trực tiếp vào việc kê khai, nộp thuế của người nộp thuế trừ khi phát hiện ra các sai sót, vi phạm hoặc có các dấu hiệu không tuân thủ pháp luật thuế.

Xuất phát từ thực tiễn, mỗi cá nhân cần có một MST riêng để cơ quan quản lý theo

đôi. Việc đăng ký và cấp MST cá nhân cần được triển khai nhanh chóng và kịp thời, tiến tới mỗi công dân đều có một mã số không phân biệt có thu nhập chịu thuế hay không có thu nhập chịu thuế. Cá nhân có thu nhập chịu thuế thực hiện đăng ký thuế để được cơ quan thuế cấp MST cho bản thân và cho mỗi người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế thực hiện đăng ký thuế để được cơ quan thuế cấp MST.

Đối tượng phải đăng ký thuế được quy định tại khoản 1 Điều 24 Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 Thông tư hướng dẫn thực hiện luật thuế TNCN, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế TNCN và Nghị định số 65/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thuế TNCN. Việc quy định rõ các đối tượng phải đăng ký thuế tạo điều kiện cho công tác quản lý các cá nhân, tổ chức dù có phát sinh nghĩa vụ thuế hay không, phát sinh “nhiều” hoặc phát sinh “chưa nhiều”, để từ đó có các biện pháp, chế tài và công cụ pháp luật phù hợp, quản lý nghiêm và chặt chẽ hơn, tránh các trường hợp dẫn tới thất thu thuế. Cần xác định rằng: khi khoanh vùng đối tượng chính xác thì sẽ có cách quản lý hiệu quả. Thông tư 80/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn luật quản lý thuế về đăng ký thuế quy định rõ về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thuế; thay đổi thông tin đăng ký thuế; chấm dứt hiệu lực MST; trách nhiệm quản lý và sử dụng MST.

Bên cạnh đó, để đảm bảo việc đăng ký thuế được thực hiện nhanh chóng và hiệu quả, Tổng cục thuế đã yêu cầu cục thuế các địa phương thành lập tổ triển khai đăng ký thuế tại cơ quan thuế; tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các cán bộ Cục thuế, Chi cục thuế về các bước thực hiện cấp MST, vận hành hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; chuẩn bị trang thiết bị, địa điểm, thiết lập hệ thống, ứng dụng. Việc tổ chức tập huấn các bước thực hiện đăng ký thuế cho các tổ chức trả thu nhập giao cho các cấp Chi cục thuế đảm nhiệm.

Như vậy, pháp luật thuế TNCN đã giúp các đơn vị quản lý xác định rõ các đối tượng phải đăng ký thuế, để từ đó xây dựng cơ sở cho việc cấp MST cho từng cá nhân và cho cả người phụ thuộc của mỗi cá nhân.

### **2.3.3.2. Về cấp mã số thuế cá nhân**

Khái niệm MST: *“Mã số thuế là một dãy số, chữ cái hoặc ký tự khác do cơ quan quản lý thuế cấp cho người nộp thuế dùng để quản lý thuế”*

Người nộp thuế chỉ được cấp một mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động từ khi đăng ký thuế cho đến khi không còn tồn tại. Mã số thuế được dùng để kê khai nộp thuế cho tất cả các loại thuế mà người nộp thuế phải nộp, kể cả trường hợp người nộp thuế kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau hoặc hoạt động

sản xuất kinh doanh tại các địa bàn khác nhau.

Mã số thuế đã cấp không được sử dụng để cấp cho người nộp thuế khác. Doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh khi không còn tồn tại thì mã số thuế chấm dứt hiệu lực và không được sử dụng lại.

Riêng MST đã cấp cho người nộp thuế là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ kinh doanh hoặc một cá nhân không thay đổi trong suốt cuộc đời của cá nhân đó, kể cả trường hợp đã ngừng hoạt động kinh doanh sau đó kinh doanh trở lại.

Việc cấp MST TNCN giữ một vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý thuế TNCN, để triển khai Luật Thuế TNCN, bước đầu tiên cần phải thực hiện tốt chính là việc cấp MST cá nhân. Mã số này sẽ gắn với mỗi cá nhân suốt đời và là cơ sở để quản lý đối tượng nộp thuế TNCN, yêu cầu đặt ra là phải cấp MST cá nhân cho mọi công dân. Việc NNT chưa có MST sẽ gây thiệt hại cho chính NNT vì phải nộp thuế TNCN với tỷ lệ trích cao hơn. Tổng cục thuế đã ban hành công văn số 329/QĐ-TCT ngày 27/3/2018 về quy trình quản lý đăng ký thuế, trong đó quy định rõ về hồ sơ đăng ký thuế và thủ tục cấp MST.

Theo Cục thuế Gia Lai, tính đến 30/06/2018, số MST cá nhân cấp cho đối tượng có thu nhập từ tiền lương, tiền công tăng gấp hơn 200 lần so với năm 2014 và đạt tỷ lệ 31,64% dân số từ 15 tuổi trở lên. Đây là nỗ lực rất lớn của Cục Thuế Gia Lai và là tiền đề rất quan trọng cho công tác quản lý kê khai nộp thuế TNCN và quyết toán thuế đạt hiệu quả, đáp ứng mục tiêu của cơ chế tự khai tự nộp thuế.

Nếu như pháp luật thời gian trước chưa bắt mỗi cá nhân phụ thuộc phải có MST, việc kê khai số người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh chủ yếu là dựa vào ý thức của đối tượng nộp thuế, dẫn đến khó kiểm soát chính xác số người phụ thuộc trong thực tế của cá nhân, cũng như thu nhập mà mỗi người thu nhập nhận được có đúng với trường hợp được quy định hay không, từ đó, gây khó quản lý và có thể làm giảm số thuế TNCN; thì hiện nay ngành thuế đã có giải pháp yêu cầu tất cả người phụ thuộc phải đăng ký MST để khắc phục hiện trạng này.

Thời gian qua vấn đề cấp MST cho người phụ thuộc, nhiều cơ quan thuế địa phương đã gửi những thắc mắc đến Tổng cục thuế tập trung vào các nội dung trùng chứng minh thư nhân dân, trùng giấy khai sinh, cá nhân đã có MST và kê khai nhằm tăng/giảm số người phụ thuộc. Tổng cục Thuế cũng đã ban hành văn bản 1333/TCT-TNCN tháo gỡ vướng mắc cho các cục thuế địa phương khi thực hiện cấp MST cho người phụ thuộc. Cụ thể:

Khi nhận được kết quả báo trùng số CMND trên hệ thống đăng ký thuế các cấp, Cục Thuế, Chi cục Thuế tiến hành các bước xác minh như sau:

*Bước 1:* Kiểm tra thông tin CMND đã nhập vào các hệ thống đăng ký MST với thông tin trên hồ sơ gốc của NNT: Nếu do người sử dụng nhập nhầm số CMND thì tiến hành cập nhật lại thông tin trên hệ thống cho đúng với thông tin trên hồ sơ gốc của NNT. Nếu số CMND trên hệ thống đã khớp đúng với thông tin trên hồ sơ gốc thì thực hiện tiếp bước 2.

*Bước 2:* Thực hiện tra cứu thông tin của NNT trên trang web [tncnonline.tct.vn](http://tncnonline.tct.vn) (có thể tra cứu theo MST hoặc số CMND).

Nếu thông tin của cá nhân bị trùng CMND khớp với thông tin cá nhân của

NNT liên quan (Tên, ngày sinh, số CMND, ngày cấp CMND): Trong trường hợp hệ thống cho phép thay thế thì NSD thực hiện thay thế trên chức năng của ứng dụng.

Trong trường hợp không được thay thế thì cơ quan thuế làm việc với NNT để làm các thủ tục theo quy định đăng ký thuế hiện hành (ví dụ: trường hợp NNT có 2 mã số thuế TNCN trở lên thì cơ quan thuế hướng dẫn NNT làm thủ tục đóng 1 MST và chỉ sử dụng MST còn lại; trường hợp NNT làm hồ sơ đăng ký mới và bị báo trùng với 1 MST mà NNT đã được cấp và đang ở trạng thái hoạt động thì cơ quan thuế hướng dẫn NNT đăng ký cửa hàng, cửa hiệu trực thuộc MST mà NNT đã được cấp,...).

Nếu thông tin của cá nhân bị trùng CMND không khớp với thông tin cá nhân của NNT liên quan (Tên, ngày sinh, số CMND, ngày cấp CMND): Thực hiện xử lý trùng CMND trên hệ thống đăng ký MST bằng cách nhập bổ sung thêm 03 ký tự là ký tự viết tắt tên tỉnh (Ví dụ: Nam Định viết tắt là NDI, Hà Nam là HNA, Hà Nội là HAN, Đồng Nai là DON; Bà Rịa -Vũng Tàu là BRV v.v...) vào sau ô CMND của NNT và thực hiện việc đăng ký MST theo đúng quy trình đăng ký thuế hiện hành.

Cuối cùng là in và lưu kết quả tra cứu thông tin của cá nhân báo trùng vào hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân.

#### **Từ 14 tuổi trở lên: Mã số người phụ thuộc chính là MST cá nhân**

Cũng theo Tổng cục Thuế, trường hợp NNT có đề nghị cấp MST người phụ thuộc nhưng cá nhân người phụ thuộc đã có MST làm công ăn lương hoặc mã phi nông nghiệp thì cơ quan thuế thông báo cho NNT đăng ký người phụ thuộc sử dụng lại MST đã cấp của người phụ thuộc để sử dụng là mã số người phụ thuộc.

Trường hợp cá nhân đã có mã người phụ thuộc muốn chuyển sang MST TNCN: Đối với người phụ thuộc từ 14 tuổi trở lên được cấp mã người phụ thuộc căn cứ theo chứng minh thư nhân dân, thì MST người phụ thuộc chính là MST TNCN.

Đối với người phụ thuộc dưới 14 tuổi được cấp mã người phụ thuộc căn cứ theo thông tin giấy khai sinh, nếu có các nghĩa vụ phát sinh thuế TNCN, người phụ thuộc có thể sử dụng MST TNCN để thực hiện các giao dịch với cơ quan thuế. Khi

người phụ thuộc từ đủ 14 tuổi trở lên và được cơ quan Công an cấp chứng minh thư nhân dân, nếu người phụ thuộc muốn chuyển đổi mã số người phụ thuộc thành MST TNCN, người phụ thuộc chỉ cần bổ sung thêm thông tin chứng minh thư nhân dân gửi Cơ quan thuế.

Đối với trường hợp sai sót kê khai nhằm tăng/ giảm người phụ thuộc, nếu NNT đã đăng ký người phụ thuộc theo quy định và đúng là có sự thay đổi tăng/ giảm người phụ thuộc so với đã đăng ký trước đây thì NNT thực hiện đăng ký người phụ thuộc tăng/ giảm theo quy định; nếu không đăng ký thay đổi theo quy định thì việc giảm trừ thực hiện theo số người phụ thuộc đã đăng ký.

Qua đây, có thể thấy rõ được những mặt ưu điểm vượt trội của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cấp MST cá nhân (thông qua cổng thông tin điện tử: <http://www.tncnonline.com.vn>). Việc tận dụng những ưu điểm của Internet, thủ tục và quy trình đăng ký MST cá nhân trở nên rất đơn giản, thuận tiện; theo đó cá nhân làm công ăn lương không phải trực tiếp đến cơ quan thuế để đăng ký thuế mà sẽ được hướng dẫn, cung cấp ứng dụng nhập tờ khai đăng ký thuế cho các tổ chức trả thu nhập. Thêm nữa việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cấp MST cá nhân đang dần giữ một vai trò rất quan trọng, góp phần mạnh mẽ trong việc tăng khả năng quản lý các đối tượng nộp thuế. Nhất là trong thời buổi kinh tế thị trường như hiện nay, khi tất cả các giao dịch kinh doanh thương mại hầu hết đều được trao đổi thông qua các phương tiện thông tin hữu hiệu hơn, nhanh và chính xác hơn. Các cách làm “thủ công” dần được thay thế bởi máy móc hiện đại, do đó việc sử dụng công nghệ thông tin trong việc tự kê khai để được cấp MST dần trở nên tất yếu, vừa đảm bảo nhanh, chính xác và tránh được rất nhiều những “thủ tục hành chính” mà NNT có thể sẽ gặp phải.

Trong khi tổ chức chi trả thu nhập thực hiện lưu hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy của các cá nhân để cung cấp cho cơ quan thuế khi có yêu cầu thì Cục thuế tập trung toàn bộ file dữ liệu của các cơ quan thuế trên địa bàn rồi gửi về Tổng cục thuế. Sau khi nhận, xử lý và cấp MST tập trung theo từng địa bàn tỉnh, thành phố, Tổng cục thuế sẽ gửi trả lại dữ liệu MST cho các cục Thuế, trên cơ sở đó, mỗi chi cục thuế trực thuộc sẽ nhận lại dữ liệu MST để truyền về cho các tổ chức chi trả thu nhập trên địa bàn, kịp thời thông báo cho các cá nhân làm công ăn lương.

Như vậy, công tác quản lý việc đăng ký và cấp MST cá nhân là một khâu rất quan trọng trong việc triển khai Luật thuế TNCN một cách sâu rộng tới đại bộ phận người dân. Lúc đầu khi mới đưa vào thực hiện, ngành thuế cũng đã gặp phải nhiều khó khăn trong việc thiết lập hệ thống đăng ký và cấp mã số, tuyên truyền và phổ biến cho mọi người cách thức để thực hiện việc đăng ký đúng quy trình và thủ tục. Đặc biệt là với

bộ phận cá nhân có thu nhập từ làm công, ăn lương – chiếm một số lượng lớn trong việc đăng ký, thì công tác thực hiện quản lý thuế đối với đối tượng này là không đơn giản; vì số lượng người làm công ăn lương ngày càng tăng, và không phải cá nhân nào cũng ý thức được về nghĩa vụ kê khai, đăng ký thuế. Tuy nhiên, với kinh nghiệm từ việc thi hành pháp luật về quản lý thuế TNCN và sự cố gắng hoàn thiện một cách tốt nhất công tác quản lý của mình, ngành thuế đã đẩy mạnh việc phổ biến, đưa ra các giải pháp hướng tới mục tiêu giảm thiểu thời gian, công đoạn không cần thiết để quá trình đăng ký và cấp MST cho người dân được diễn ra nhanh nhất.

❖ Những khó khăn trong thực tiễn quản lý đối tượng nộp thuế

Theo đó, Luật quản lý thuế cũng đưa ra những định nghĩa khái quát về thông tin NNT. Tuy nhiên mới chỉ ra được giới hạn phạm vi thông tin về người nộp thuế là những thông tin, tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Luật không quy định cụ thể và không làm rõ được những thông tin, tài liệu nào là thông tin, tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế? Vấn đề này khá quan trọng bởi liên quan đến trách nhiệm cung cấp thông tin của các chủ thể. Giả sử khi cơ quan quản lý thuế yêu cầu chủ thể có liên quan nào đó cung cấp thông tin về người nộp thuế liệu có cần phải giải thích rõ hay chứng minh rằng thông tin đó có liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế không, cụ thể là loại thuế nào? Bởi người có thông tin về người nộp thuế có quyền từ chối cung cấp thông tin mà họ biết cho cơ quan thuế khi họ cho rằng thông tin đó không liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Trong trường hợp này, người cung cấp thông tin có bị xử phạt vì lỗi không cung cấp thông tin về người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế khi có yêu cầu không?

Hiện tượng trốn thuế còn khá phổ biến đối với các cá nhân có nhiều nguồn thu nhập, cá nhân hành nghề tự do (như ca sĩ, nghệ sĩ, giáo viên dạy ngoại ngữ, luật sư, người nước ngoài, người cung cấp các dịch vụ tư vấn độc lập...). Ngành thuế mới chỉ nắm được “những người có tóc” là các cá nhân làm công ăn lương, có một nguồn thu nhập ổn định qua một cơ quan, tổ chức, bởi thế quản lý khấu trừ thuế cũng đơn giản hơn. Nhưng đây lại là nguồn thu thuế không lớn, vì họ không có thu nhập cao, như những “người trọc đầu” (có thể kể đến ở đây là giới văn nghệ sĩ, ca sĩ...) họ là những người có “cát-xê khủng sau mỗi lần đi diễn” nhưng cơ quan thuế lại chưa có cách quản lý phù hợp để có thể tận thu thuế từ họ. Thông thường thì giới nghệ sĩ có rất nhiều nguồn thu. Thứ nhất là tiền cát - xê diễn, rồi tiền quảng cáo, sự kiện và các công việc khác. Do vậy, rất khó để xác định được thông tin chính xác về các khoản thu nhập của họ là bao nhiêu. Đó chưa kể “cái bắt tay” giữa ông bầu và nghệ sĩ nữa. Ví như, khi ca sĩ hát ba bài tính tiền cát xê là 30 triệu đồng nhưng trên giấy tờ biên nhận chỉ thể hiện

có vài ba triệu đồng để né thuế. Đây là thực tế thường diễn ra trong giới nghệ sĩ mà hiện tại, cơ quan quản lý thuế chưa có giải pháp để khắc phục tình trạng.

#### **2.4. Quản lý thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân**

Các loại thu nhập chịu thuế được quy định tại Điều 2 thông tư số 111/2018/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế TNCN bao gồm: Thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương tiền công, thu nhập từ đầu tư vốn, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại, thu nhập từ nhận thừa kế, thu nhập từ nhận quà tặng.

#### **2.5. Quản lý kê khai và quyết toán thuế thu nhập cá nhân**

##### **2.5.1. Quản lý kê khai thuế thu nhập cá nhân**

Kê khai thuế là khâu rất quan trọng trong quá trình quyết toán thuế TNCN. Nhờ đó mà cơ quan quản lý thuế mới có thể thu thập được thông tin, kiểm soát thu nhập của các đối tượng nộp thuế theo những khoảng thời gian nhất định, có thể là một tháng, một năm, một quý. Tùy thuộc vào mỗi một đối tượng khác nhau, thì cũng có những yêu cầu kê khai thuế thu nhập khác nhau, tất cả nhằm thực hiện cho quá trình quản lý việc thu nộp thuế được dễ dàng hơn.

Bên cạnh đó, để tiến tới công cuộc cải cách hành chính, Tổng cục thuế cũng đã ban hành phần mềm tin học HTKK để hỗ trợ NNT khai thuế qua mạng, và các mẫu tờ khai thuế TNCN được đăng tải trên website [tncnonline.com.vn](http://tncnonline.com.vn), nên NNT có thể dễ dàng thực hiện các thao tác để tự kê khai về thu nhập của mình, qua đó tiết kiệm được rất nhiều các thủ tục hành chính khác (so với hình thức kê khai trên giấy và tự mang đến cơ quan thuế nộp).

Để có thể kê khai thuế TNCN từ 5/1/2015 kế toán doanh nghiệp sẽ sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai HTKK 3.3.5. Hồ sơ khai thuế TNCN (đối với doanh nghiệp chi trả) như sau:

Thông thường kế toán doanh nghiệp sẽ thực hiện khai thuế TNCN cho các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

- Nếu khai thuế TNCN theo quý, kế toán dùng mẫu tờ khai: 02/KK- TNCN theo quý,
- Nếu khai theo tháng dùng mẫu: 02/KK-TNCN theo tháng.

(Hai mẫu trên dùng cho cá nhân có ký hợp đồng lao động (là nhân viên của công ty) và cá nhân không ký hợp đồng lao động (là lao động thời vụ, vắng lai).

Trường hợp khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng

khoán, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng thì khai và nộp tờ khai theo mẫu số 03/KK-TNCN theo tháng hoặc theo quý.

Doanh nghiệp tự xác định kỳ kê khai thuế TNCN theo tháng hoặc theo quý, trường hợp trong tháng hoặc quý, công ty không phát sinh khấu trừ thuế TNCN (tức là không có số thuế phải nộp thì không phải kê khai thuế).

*Việc xác định kê khai theo tháng hay theo quý được xác định như sau:*

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập phát sinh số thuế khấu trừ trong tháng của ít nhất một loại tờ khai thuế TNCN từ 50 triệu đồng trở lên thì thực hiện khai thuế theo tháng trừ trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện khai thuế GGTGT theo quý.

- Tổ chức cá nhân thu nhập không thuộc diện khai thuế theo tháng theo hướng dẫn nêu trên thì thực hiện khai thuế theo quý.

(Doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo quý thì kê khai thuế TNCN theo quý)

### **2.5.2. Quản lý quyết toán thuế thu nhập cá nhân**

*Khai quyết toán thuế là việc xác định số thuế phải nộp của năm tính thuế hoặc thời gian từ đầu năm tính thuế đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc thời gian tính từ khi phát sinh đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật*

Theo nguyên tắc quyết toán thuế đối với thu nhập cá nhân được thực hiện theo năm dương lịch. Cuối năm hoặc sau khi hết hạn hợp đồng, cơ quan chi trả thu nhập cá nhân tổng hợp tất cả các nguồn thu nhập, thu nhập chịu thuế trong năm thực hiện kê khai thuế thu nhập và nộp tờ khai quyết toán. Trong đó, thu nhập tính thuế của cá nhân là thu nhập bình quân tháng trong năm hoặc tổng thu nhập trong cả năm, bất kể tháng có hay không có thu nhập sau đó chia đều cho 12 tháng.

Trong năm 2014, chính sách thuế TNCN có một vài thay đổi. Theo đó, ngày 10/10/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 151/2014/TT-BTC nhằm cắt giảm một số TTHC thuế, tiết kiệm thời gian và chi phí của NNT.

#### **Đối tượng phải quyết toán thuế**

Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế có trách nhiệm khai quyết toán thuế và QTT thay cho cá nhân có uỷ quyền. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập trong năm 2014 thì không phải khai QTT TNCN.

Đối với cá nhân trực tiếp QTT: cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ kinh doanh có trách nhiệm khai QTT nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo, trừ các trường hợp: Số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn

thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau; Cá nhân, hộ kinh doanh có thu nhập từ kinh doanh đã thực hiện nộp thuế theo phương pháp khoán;...; Cá nhân là đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, bán hàng đa cấp đã được tổ chức trả thu nhập khấu trừ thuế TNCN thì không QTT đối với phần thu nhập này.

Cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay theo mẫu số 04-2/TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC, kèm theo bản chụp hóa đơn, chứng từ chứng minh đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học (nếu có).

### **Hồ sơ khai quyết toán thuế**

Hồ sơ quyết toán thuế TNCN thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 156/2013/TT-BTC; có một số nội dung cần chú ý như sau:

Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

Trường hợp NNT bị mất chứng từ khấu trừ thuế (liên giao cho NNT) thì NNT có thể sử dụng bản chụp chứng từ khấu trừ thuế (liên lưu lại tổ chức chi trả thu nhập) để chứng minh số thuế thu nhập đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm khi hoàn thuế, quyết toán thuế. Cơ quan thuế nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu chứng từ khấu trừ thuế NNT cung cấp với các thông tin trên hệ thống dữ liệu ngành thuế và một số tài liệu khác liên quan khi giải quyết hồ sơ hoàn thuế, quyết toán thuế cho NNT.

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập đối với thu nhập tiền lương, tiền công khai quyết toán thuế theo các mẫu sau:

- Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công cho cá nhân (mẫu số 05/KK-TNCN).
- Phụ lục bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động (mẫu số 05-1/BK- TNCN thay thế cho mẫu 05A/BK-TNCN trước đây).
- Phụ lục bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng và cá nhân không cư trú (mẫu số 05-2/BK- TNCN thay thế cho mẫu 05B/BK-TNCN trước đây).
- Phụ lục bảng kê thông tin người phụ thuộc, giảm trừ gia cảnh (mẫu số 05-3/BK-TNCN-mẫu này gửi trong tháng 2/2015 để cơ quan Thuế cấp mã số người phụ thuộc).

### **Phương thức và nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế**

### **\* Phương thức nộp hồ sơ**

Trên tinh thần thực hiện cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho đối tượng nộp thuế; đơn vị chi trả thu nhập có thể nộp hồ sơ quyết toán thuế theo một trong các phương thức sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của cơ quan thuế quản lý trực tiếp;

Truyền các dữ liệu liên quan đến quyết toán về cơ quan thuế quản lý trực tiếp thông qua Internet. Cơ quan thuế thông báo để các đơn vị chi trả biết địa chỉ nhận dữ liệu về quyết toán thuế TNCN.

Gửi hồ sơ quyết toán thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp qua đường bưu điện.

### **\* Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN**

Theo Điều 16 Thông tư 156/2013/TT-BTC, nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN được quy định riêng đối với từng đối tượng: tổ chức, cá nhân trả thu nhập; cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công; cá nhân, nhóm cá nhân chỉ có thu nhập từ kinh doanh; cá nhân vừa có thu nhập từ kinh doanh vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công; cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; cá nhân cư trú tại nhiều nơi và thuộc diện quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú (tại chi cục thuế quản lý trực tiếp, cục thuế...).

Cơ quan thuế có trách nhiệm hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế TNCN theo hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp cơ quan thuế đã hạch toán nghĩa vụ quyết toán thuế của cá nhân vào ứng dụng quản lý thuế của ngành thì cơ quan thuế không được trả lại hồ sơ quyết toán thuế và có trách nhiệm xử lý hồ sơ theo quy định.

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập và cá nhân thuộc diện khai quyết toán thuế nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

❖ Thực tiễn áp dụng các quy định về kê khai, khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân

Nhìn chung, mỗi cá nhân khi kê khai, khai quyết toán thuế đều phải hoàn thiện rất nhiều hồ sơ, giấy tờ và các biểu mẫu dẫn đến tâm lý “ngại làm thủ tục” và có thể đây là lý do dẫn đến những sai phạm của cán bộ ngành thuế khi thực hiện những công việc nhằm giúp đỡ NNT trốn thuế. Cụ thể, tại thông tư 156/2013/TT-BTC đã ban hành 23 mục các loại biểu mẫu, trong mỗi mục lại có từ 10-20 các loại mẫu tờ khai khác nhau. Ví dụ tại mục số 8 về khai, hoàn, miễn, giảm thuế TNCN hiện có 43 mẫu tờ khai ứng với từng trường hợp khác nhau. Đòi hỏi NNT phải nghiên cứu rất kỹ để lựa chọn mẫu tờ khai cho phù hợp. Nhất là thực tiễn hiện nay, khi yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính luôn được đặt lên hàng đầu, thì việc tiếp cận kê khai, quyết toán thuế đúng và đủ

dựa trên những mẫu tờ khai như thế này, xem ra vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

## **2.6. Quản lý việc miễn thuế, giảm thuế và hoàn thuế thu nhập cá nhân**

### **2.6.1. Quản lý việc miễn thuế thu nhập cá nhân**

Tại Điều 3 Thông tư 111/2013/TT-BTC quy định các khoản thu nhập được miễn thuế TNCN bao gồm:

- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (giữa một số đối tượng được pháp luật quy định).
- Thu nhập từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, thu nhập từ lãi trái phiếu Chính phủ.
- Thu nhập từ kiều hối.
- Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ theo quy định của Bộ luật lao động.
- Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội trả.
- Thu nhập từ học bổng.
- Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, tiền bồi thường tai nạn lao động...
- Thu nhập nhận được từ các quỹ từ thiện

Thực tiễn thi hành luật đã bộc lộ những hạn chế, chính vì vậy Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của các luật về thuế đã quy định các khoản thu nhập sau được bổ sung là thu nhập miễn thuế:

- + Thu nhập từ tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt Nam làm việc cho các hãng tàu nước ngoài hoặc các hãng tàu Việt Nam vận tải quốc tế.
- + Thu nhập của cá nhân là chủ tàu, cá nhân có quyền sử dụng tàu và cá nhân làm việc trên tàu từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ.

Các quy định về miễn thuế thể hiện tính xã hội sâu sắc. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ “thu thuế” của mình, ngành thuế thực hiện các quy định pháp luật dưới sự chỉ đạo của Chính phủ không “cứng rắn” mà rất linh hoạt. Qua đó, thể hiện sự quan tâm khích lệ của Nhà nước đối với NNT, không phải lúc nào cũng chỉ là những quy định mà lòng ghép ở đó còn có tính “nhân văn”. Có lẽ chỉ ở luật thuế TNCN mới thể hiện được điều này.

- ❖ Những bất cập trong thực tiễn thi hành các khoản thu nhập được miễn thuế

### **Quy định miễn thuế đối với một số trường hợp chuyển nhượng “nhà đất”**

- Trường hợp chuyển nhượng “nhà đất” là tài sản duy nhất. Việc xác định tài sản duy nhất là rất khó khăn, bởi sẽ dẫn tới thực tế, NNT tự khai là tài sản duy nhất.

Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định: Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất thì được miễn thuế; đồng thời người chuyển nhượng bất động sản tự khai và chịu trách nhiệm về tính trung thực về kê khai của mình. Tuy nhiên, trong bối cảnh hệ thống thông tin quản lý cá nhân của cơ quan quản lý nhà nước, trong đó có ngành thuế còn chưa đáp ứng; công tác kiểm tra, đối chiếu cần rất nhiều thời gian thì ít nhất trong vài năm đầu, cơ quan chức năng không thể kiểm soát được từng cá nhân có bao nhiêu nhà ở, đất ở. Đây chính là kẽ hở để không ít người có nhiều nhà ở, đất ở khi chuyển nhượng sẵn sàng kê khai là tài sản duy nhất để không phải nộp thuế. Thực tế này đang diễn ra hàng ngày và khá phổ biến, gây thất thu lớn cho ngân sách.

- Chuyển nhượng bác cầu

Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định: “thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng, cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau” [Điều 4, Khoản 1] thì được miễn thuế TNCN. Lợi dụng quy định này, nhiều trường hợp đã sử dụng mối quan hệ bác cầu để trốn thuế. Cụ thể, hai chị em dâu chuyển nhượng bất động sản cho nhau là đối tượng phải nộp thuế. Nhưng để lách luật, người chị dâu làm thủ tục chuyển nhượng cho bố chồng, sau đó bố chồng lại chuyển nhượng tiếp cho người em dâu. Cả hai lần chuyển nhượng này đều thuộc đối tượng được miễn thuế. Thế là từ việc phải nộp thuế, hai chị em dâu chịu khó đi vòng, chuyển nhượng bác cầu để tránh phải nộp thuế.

### **Giữa các quy định pháp luật chưa có sự “bình đẳng”**

Phạm vi ưu đãi thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản là khá rộng, “các cá nhân có mối quan hệ ruột thịt”, các đối tượng có khả năng được nhận thừa kế, quà tặng (hàng thừa kế thứ nhất và hàng thừa kế thứ hai) đã được hưởng ưu đãi (lần 1), lại tiếp tục được hưởng ưu đãi miễn thuế TNCN đối với tài sản được thừa kế (lần 2). Trong khi họ không phải chịu một khoản chi phí nào để có được khoản lợi ích đó.

Ngược lại, đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa các đối tượng khác, thuế TNCN được xác định bằng 10% trên phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 10 triệu đồng mà đối tượng nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh.

Hay thu nhập từ kiều hối (được hiểu là một khoản quà tặng từ nước ngoài gửi về) thì được miễn thuế toàn bộ, kể cả trong trường hợp số thu rất lớn, trong khi thu nhập từ quà tặng chỉ cần trên 10 triệu đồng/lần là đánh thuế.

Như thế, việc miễn thuế vô tình lại là cánh tay nối dài của việc né tránh thuế của một bộ phận không nhỏ đối tượng nộp thuế. Sự “bất bình đẳng” trong một số quy định của pháp luật dẫn đến “khó khăn” trong quản lý thuế TNCN.

## **2.6.2. Quản lý việc giảm thuế thu nhập cá nhân**

### **2.6.2.1. Giảm trừ gia cảnh**

Có thể nói đây là nét đặc trưng của quản lý thuế TNCN, đúng với tính chất là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào từng cá nhân có thu nhập, chính sách về thuế TNCN đã thể hiện rõ “sự chia sẻ” và khích lệ NNT thông qua các quy định về việc giảm thuế này. Các khoản giảm trừ thuế thu nhập cá nhân khi tính thuế TNCN theo quy định tại Điều 9 Thông tư 111/2017/TT-BTC và Điều 12 Nghị Định 65/2017/NĐ-CP.

### **2.6.2.2. Giảm trừ đối với các khoản đóng bảo hiểm, Quỹ hưu trí tự nguyện**

Các khoản đóng bảo hiểm bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc.

Đối với các khoản đóng vào Quỹ hưu trí tự nguyện: mức đóng vào quỹ hưu trí tự nguyện được trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế theo thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá một (01) triệu đồng/tháng (12 triệu đồng/năm) đối với người lao động tham gia các sản phẩm hưu trí tự nguyện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, kể cả trường hợp tham gia nhiều quỹ. Căn cứ xác định thu nhập được trừ là bản chụp chứng từ nộp tiền (hoặc nộp phí) do quỹ hưu trí tự nguyện cấp.

Người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam là cá nhân cư trú nhưng làm việc tại nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công ở nước ngoài đã tham gia đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của quốc gia nơi cá nhân cư trú mang quốc tịch hoặc làm việc tương tự quy định của pháp luật Việt Nam như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bắt buộc và các khoản bảo hiểm bắt buộc khác (nếu có) thì được trừ các khoản phí bảo hiểm đó vào thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công khi tính thuế thu nhập cá nhân.

Cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam có tham gia đóng các khoản bảo hiểm nêu trên ở nước ngoài sẽ được tạm giảm trừ ngay vào thu nhập để khấu trừ thuế trong năm (nếu có chứng từ) và tính theo số chính thức nếu cá nhân thực hiện quyết toán thuế theo quy định. Trường hợp không có chứng từ để tạm giảm trừ trong năm thì

sẽ giảm trừ một lần khi quyết toán thuế.

Khoản đóng góp bảo hiểm, đóng góp vào Quỹ hưu trí tự nguyện của năm nào được trừ vào thu nhập chịu thuế của năm đó.

Chứng từ chứng minh đối với các khoản bảo hiểm được trừ nêu trên là bản chụp chứng từ thu tiền của tổ chức bảo hiểm hoặc xác nhận của tổ chức trả thu nhập về số tiền bảo hiểm đã khấu trừ, đã nộp (trường hợp tổ chức trả thu nhập nộp thay).

### **2.6.2.3. Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học**

Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học được trừ vào thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công trước khi tính thuế của người nộp thuế là cá nhân cư trú, bao gồm:

- Khoản chi đóng góp vào các tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, người già không nơi nương tựa.

- Khoản chi đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 12/4/2017 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không nhằm mục đích lợi nhuận và quy định tại các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ.

#### **❖ Những khó khăn trong thực tiễn xác định giảm trừ gia cảnh**

Liên quan đến việc kê khai giảm trừ gia cảnh: việc kê khai chủ yếu dựa vào ý thức tự giác của đối tượng nộp thuế. Điều này đã tạo khe hở trong việc kê khai số người phụ thuộc. Chẳng hạn, cùng 1 người bố hoặc mẹ nhưng sẽ được tính trùng thành 2 người bởi cả 2 người con ở 2 địa phương khác nhau cùng kê khai và chính quyền địa phương sở tại đều xác nhận.

Hay có thể kể đến một thực trạng, về tình hình nhận con nuôi ngày một tăng. Không phải là toàn bộ, nhưng có một số cá nhân xin nhận con nuôi vì những mục đích khác. Họ nắm rõ được những thông tin về việc giảm trừ gia cảnh cho bản thân. Vậy là, việc nhận con nuôi như một cứu cánh trong việc được giảm trừ gia cảnh và không phải nộp thuế TNCN. Cơ quan quản lý thuế cần có giải pháp để ngăn chặn những hành vi gian lận thuế này.

### **2.6.3. Quản lý việc hoàn thuế thu nhập cá nhân**

*“Các trường hợp được hoàn thuế thu nhập cá nhân thường là trường hợp số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp hoặc cá nhân đã nộp thuế nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp” [Điều 8].*

Hoàn thuế TNCN thực sự có ý nghĩa lớn đối với NNT và cơ quan quản lý thuế. Đối với NNT, quy định này giúp NNT có thể yên tâm nộp thuế mà không phải lo lắng

nếu tính sai thu nhập của mình dẫn đến bị thiệt hại số tiền nộp thuế lớn hơn số tiền họ phải nộp. Đối với cơ quan quản lý thuế, quá trình xử lý yêu cầu hoàn thuế sẽ một lần nữa khiến cơ quan quản lý thuế rà soát lại kê khai thuế TNCN của NNT, từ đó kiểm soát đúng thu nhập cũng như số tiền nộp thuế của các cá nhân nộp thuế thu nhập.

❖ Tuy nhiên, trong thực tiễn, quy định pháp luật về hoàn thuế thu nhập cá nhân vẫn chưa phát huy tác dụng và còn gây nhiều tranh cãi

Đối với hoàn thuế TNCN thì đa phần NNT phải tự đến cơ quan thuế làm thủ tục xin hoàn thuế. Phần lớn với mỗi hồ sơ hoàn thuế, khoản tiền NNT được hoàn chỉ vài trăm nghìn đồng đến vài triệu đồng. Theo hướng dẫn tại các thông tư trên thì cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế không phải nộp hồ sơ hoàn thuế như khi ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thay. Nhưng với thủ tục bắt buộc của hoàn thuế TNCN, họ phải chờ đến cuối năm, thực hiện nhiều thủ tục hành chính phức tạp mới được hoàn thuế. Mặc dù theo quy định mới, thời gian hoàn thuế hiện nay được rút ngắn là 06 ngày đối với trường hợp “hoàn thuế trước, kiểm tra sau” và 40 ngày đối với trường hợp “kiểm tra trước, hoàn thuế sau” kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Điều 60 Luật quản lý thuế sửa đổi, bổ sung) nhưng với tâm lý ngại chờ đợi, đi lại và thực hiện các thủ tục hành chính tại cơ quan thuế phức tạp, đa phần NNT không đến cơ quan thuế để xin hoàn thuế. Điều này làm phát sinh thêm vấn đề xử lý số tiền thuế được hoàn mà NNT không đến nhận.

Hiện nay pháp luật quản lý thuế vẫn chưa có quy định về việc giải quyết như thế nào đối với trường hợp này. Mặc dù Nhà nước là chủ thể được hưởng lợi, bởi khi NNT không đề nghị hoàn thuế thì số tiền này sẽ được bổ sung vào NSNN. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi trường hợp NNT cho rằng Nhà nước cố tình quy định thủ tục hoàn thuế phức tạp, gây bất tiện cho người dân để trục lợi. Đối với mỗi cá nhân thì đó là số tiền nhỏ, nhưng nếu hàng triệu, hàng vạn người lao động không quyết toán thì số tiền ấy lại trở nên khá lớn. Do vậy, vấn đề minh bạch hóa thông tin kết quả công tác hoàn thuế cho NNT và thông tin quản lý sử dụng tiền thuế TNCN là rất cần thiết

## **2.7. Quản lý việc kiểm tra, thanh tra thuế thu nhập cá nhân và xử lý vi phạm**

Ngành thuế tổ chức sắp xếp, bố trí nguồn nhân lực để tập trung tối đa cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Trong năm 2018 cơ quan thuế các cấp đã thanh tra, kiểm tra được 67.814 doanh nghiệp; kiến nghị xử lý thu vào NSNN là 12.212,6 tỷ đồng; giảm khấu trừ là 1.047,4 tỷ đồng; tổng số giảm lỗ là 19.733,4 tỷ đồng; đã đôn đốc nộp vào ngân sách là 7.757,6 tỷ đồng, bằng 80,2% so với cùng kỳ năm 2017

### **❖ Nguyên tắc kiểm tra, thanh tra thuế**

Việc thanh tra kiểm tra thuế phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

- Thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, dữ liệu liên quan đến NNT, đánh giá việc chấp hành pháp luật của NNT, xác minh và thu thập chứng cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

- Không cản trở hoạt động bình thường của NNT.

- Tuân thủ quy định của Luật quản lý thuế và các quy định của pháp luật có liên quan.

#### ❖ Kiểm tra thuế

Hoạt động kiểm tra thuế tuân thủ theo nguyên tắc quy định tại Điều 75 Luật quản lý thuế và tuân theo quy trình về kiểm tra thuế tại quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2018 của Tổng cục thuế.

Theo đó, kiểm tra thuế sẽ được tiến hành tại trụ sở của cơ quan thuế thì công chức thuế thực hiện việc kiểm tra nội dung kê khai trong hồ sơ thuế, đối chiếu với cơ sở dữ liệu của NNT và tài liệu có liên quan về NNT, so sánh với dữ liệu của NNT cùng ngành nghề, mặt hàng kinh doanh để phân tích đánh giá tính tuân thủ hoặc phát hiện các trường hợp khai chưa đầy đủ dẫn tới việc thiếu thuế hoặc, gian lận thuế.

Kiểm tra thuế tại trụ sở NNT chỉ được thực hiện khi có quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở NNT. NNT có quyền từ chối việc kiểm tra khi không có quyết định kiểm tra thuế.

Kết quả kiểm tra là cơ sở để xử lý các vi phạm (nếu có) và buộc các đối tượng vi phạm thực hiện nghĩa vụ của mình.

Bên cạnh đó, cơ quan quản lý thuế thường xuyên cập nhật các kết quả kiểm tra vào cơ sở dữ liệu quản lý đối tượng nộp thuế, làm căn cứ phục vụ công tác kiểm soát khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho các lần tiếp theo.

#### ❖ Thanh tra thuế

Mục đích chính của công tác thanh tra thuế là giải quyết khiếu nại, tố cáo và đánh giá tính tuân thủ pháp luật của đối tượng nộp thuế. Thanh tra thuế TNCN theo Điều 81 Luật Quản lý thuế và Thông tư 156/2013/TT-BTC thì chỉ thanh tra đối với trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế, chỉ được tiến hành thanh tra khi có căn cứ xác định NNT khai thiếu nghĩa vụ thuế, trốn thuế, gian lận thuế nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc lập kế hoạch thanh tra phải dựa trên cơ sở phân tích thông tin về NNT, từ đó phát hiện lập danh sách NNT có dấu hiệu bất thường trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế để lựa chọn đối tượng lập kế hoạch thanh tra. Kế hoạch thanh tra bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây, đối tượng thanh tra, kỳ thanh tra, loại thuế thuộc diện thanh tra, thời gian dự kiến tiến hành thanh tra.

#### ❖ Xử lý vi phạm

Xử phạt vi phạm về thuế là một nội dung của quản lý thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng. Nguyên tắc và chế tài xử phạt vi phạm hành chính về thuế sẽ tuân theo các quy định tại Thông tư số 166/2013/TT-BTC. Có 2 hình thức xử phạt vi phạm hành chính về thuế: phạt cảnh cáo và phạt tiền. Tùy từng vi phạm cụ thể sẽ có những khung phạt tiền riêng và cách thức cảnh cáo phù hợp quy định của pháp luật.

Xét thấy việc có chế tài xử lý vi phạm là rất hợp lý trong công tác quản lý thuế. Khi đã kiểm tra, thanh tra và phát hiện sai phạm thì cần có biện pháp xử lý, răn đe hợp lý để đối tượng nộp thuế không tái phạm những hành vi trái pháp luật.

❖ Một số những trường hợp bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế TNCN

Trong thời gian qua, đã xuất hiện rất nhiều những vụ việc trốn thuế của các “ông lớn” và cơ quan thuế, với chức năng nhiệm vụ được giao đã xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm và truy thu thuế với những con số khổng lồ, thu nộp NSNN. Có thể kể đến một số vụ việc tại thành phố Hồ Chí Minh:

Năm 2017, Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh đã truy thu 5 ca sỹ với số tiền 1,3 tỉ đồng nợ thuế TNCN. Số tiền này là của những ca sỹ hạng sao trên thị trường lúc đó, bị truy thu trong giai đoạn từ 2015 - 2017. Những ca sỹ này cũng đã kê khai thuế nhưng chưa đầy đủ, buộc phòng Thuế TNCN yêu cầu kê khai lại và phát hiện, truy thu số tiền hơn 1,3 tỉ đồng. Đáng chú ý, có người bị truy thu tới gần 700 triệu đồng.

Năm 2018 cơ quan này đã mời một số nghệ sỹ lên khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (TNCN) trong giai đoạn từ 2014 - 2017. Kết quả là có 7 người bị truy thu thuế lên tới 4,4 tỉ đồng; đây lại là một “phi vụ trốn thuế” nữa của những người có thu nhập “khủng”, nhưng lại đóng thuế “bèo” khiến dư luận bức xúc.

Cũng trong năm 2017, Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thanh tra vụ chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Y khoa Hoàn Mỹ, một cổ đông tại công ty này bị truy thu và phạt số tiền thuế lên tới 156 tỷ đồng tính đến giữa tháng 7 (chênh 42 tỷ đồng so với con số được Cục Thuế đưa ra hôm tháng 4); và kiểm tra thuế của các đối tượng là cá nhân có thu nhập cao, làm việc nhiều nơi ở các lĩnh vực ngân hàng, dầu khí, chứng khoán, các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán...; bác sĩ; giảng viên các trường đại học; cá nhân làm đại lý bảo hiểm... Số thuế truy thu trong năm là hơn 35 tỉ đồng. Riêng Công ty Phở 24 bị truy thu thuế thu nhập cá nhân của 6 thành viên khi chuyển nhượng cổ phần trong Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Phở 24 với tổng số tiền là 18 tỷ đồng.

Rõ ràng hoạt động thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong công tác quản lý để chống thất thu thuế. Tuy nhiên, cũng không thể không lo lắng trước thực trạng không tuân thủ pháp luật về thuế TNCN của một bộ phận những

người có thu nhập cao trong xã hội như ở những ví dụ này. Thực trạng này một phần là do nguyên nhân ở Việt Nam hiện nay, công tác thanh, kiểm tra thuế nói chung và thuế thu nhập cá nhân nói riêng vẫn chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả chưa cao, trình độ cán bộ thanh tra còn hạn chế.

## **2.8. Quản lý việc ứng dụng công nghệ thông tin**

Trong công cuộc cải cách và hiện đại hóa hệ thống thuế, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào quản lý giữ vai trò nền tảng quyết định. Ngành thuế luôn nỗ lực đẩy mạnh phương thức nộp thuế điện tử để tăng cường tính hiệu quả trong công tác quản lý thuế, tạo điều kiện cho NNT qua đó đẩy mạnh cải cách TTHC.

### **Lợi ích Dịch vụ Nộp thuế điện tử**

Đối với NNT: Tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch; đơn giản thủ tục giấy tờ khi thực hiện nghĩa vụ thuế. Nộp thuế bất cứ thời điểm nào, bất cứ ở đâu có kết nối Internet; Có thể dễ dàng lập Giấy nộp tiền vào NSNN trực tiếp trên cổng thông tin của Cơ quan thuế và được ngân hàng xác nhận kết quả giao dịch tức thời.

Đối với Cơ quan thuế: Tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế, xử lý thông tin thu nộp thuế nhanh chóng, chính xác, góp phần đa dạng hóa các kênh thu NSNN.

Đối với Ngân hàng thương mại: Thông qua dịch vụ nộp thuế điện tử có thể cung cấp thêm nhiều dịch vụ ngân hàng hiện đại đến các doanh nghiệp, đồng thời đóng góp một phần công sức thực hiện mục tiêu hiện đại hóa, cải cách hành chính công của Chính phủ.

❖ Quy định về triển khai phương thức nộp thuế điện tử trong thực tiễn còn thiếu đồng bộ và hoàn chỉnh

**Thứ nhất**, Quy định nộp thuế điện tử chưa được triển khai rộng rãi ở tất cả các Ngân hàng và chỉ dừng lại ở việc khuyến khích chứ chưa bắt buộc NNT sử dụng phương pháp nộp thuế điện tử. Tại thời điểm giữa tháng 4/2015, ứng dụng nộp thuế điện tử mới chỉ được triển khai tại một số Ngân hàng lớn như: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank), Ngân hàng Công thương (Vietinbank), Ngân hàng Quân đội (MBBank), Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương (Techcombank)... Như vậy, vấn đề đặt ra là với những cá nhân, doanh nghiệp không đăng ký tài khoản ở những Ngân hàng trên thì chưa thể sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử mà vẫn phải trực tiếp đi nộp thuế bằng tiền mặt.

**Thứ hai**, Luật chưa có quy định nếu NNT đã đăng ký nộp thuế điện tử thì có được đồng thời sử dụng cả phương thức nộp trực tiếp vào kho bạc Nhà nước và qua hệ thống Ngân hàng ủy nhiệm thu thuế của kho bạc Nhà nước hay không. Trong một số trường hợp như: tài khoản Ngân hàng của NNT bị hết tiền, gặp sự cố về điện, mất

mạng... nhất là khi những trường hợp trên rơi vào đúng thời hạn cuối nộp tiền thuế, khiến NNT không thể thực hiện nộp tiền thuế qua phương thức nộp thuế điện tử thì NNT sẽ thực hiện nộp thuế như thế nào?

**Thứ ba**, ứng dụng nộp thuế điện tử còn chưa được hoàn thiện, thường xuyên phải tạm dừng để nâng cấp, dẫn đến tình trạng nộp thuế bị gián đoạn. Ví dụ cụ thể: “Ngày 31/3/2014 tại bộ phận tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ về thuế của Cục Thuế Hà Nội ở địa chỉ G23-24 Thành Công, từ sáng sớm hôm nay đã đông nghịt người. Khoảng sân rộng của cơ quan thuế này đã được trưng dụng để dựng trại phục vụ người nộp thuế. Phía bên trong trại “dã chiến” mới lập, là dãy bàn hình chữ U, các nhân viên ngành thuế đang liên tục giải đáp thắc mắc. Trong khi đó, phía sau mỗi bàn là dãy người xếp hàng nhích từng bước để đến bàn kiểm tra tờ khai thủ tục nộp thuế. Không chỉ tắc nghẽn tại cơ quan thuế, việc kê khai thuế trên mạng trong ngày hôm nay cũng rất khó khăn, vào 16h30, mạng nhà thuế cũng liên tục bị nghẽn khiến người dân không thể truy cập kê khai”.

## **PHẦN 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

### **3.1. Tăng cường các biện pháp quản lý thông tin người nộp thuế**

Thông tin về người nộp thuế khá đa dạng, được cung cấp, khai thác từ nhiều nguồn khác nhau để phục vụ cho công tác quản lý thuế.

Trong quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp thuế, thông tin về người nộp thuế phải được xây dựng có tính hệ thống gọi là hệ thống thông tin về người nộp thuế. Hệ thống thông tin về người nộp thuế phải đảm bảo các yêu cầu:

Hệ thống thông tin về người nộp thuế đầy đủ bao gồm các thông tin cơ bản như: Thông tin về đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, thông tin về kế toán tài khoản thuế của người nộp thuế; thông tin kết quả sản xuất kinh doanh; thông tin về tình hình chấp hành pháp luật thuế; thông tin khác liên quan đến quá trình hoạt động, giao dịch của người nộp thuế... Bởi vậy thông tin về người nộp thuế phải thu thập, khai thác từ nhiều kênh, nhiều nguồn và bằng nhiều hình thức khác nhau như: từ người nộp thuế, từ nội bộ cơ quan quản lý thuế, các cơ quan nhà nước và từ các tổ chức, cá nhân có liên quan. Nếu có đầy đủ các thông tin cần thiết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thì việc phân tích, đánh giá phân loại đối tượng nộp thuế mới chính xác và phát hiện các vi phạm của người nộp thuế mới thuận lợi và nhanh chóng.

Để bảo đảm tính đầy đủ, độ tin cậy cần thiết của thông tin về người nộp thuế, pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong cung cấp thông tin về người nộp thuế như trách nhiệm của người nộp thuế, của các cơ quan Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Đồng thời, pháp luật quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận, quản lý sử dụng thông tin về người nộp thuế, trách nhiệm phối hợp, cung cấp trao đổi thông tin về người nộp thuế với các cơ quan liên quan nhằm phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật thuế. Đây là khâu yếu ở nước ta trong thời gian qua và cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhiều đối tượng nộp thuế trốn lậu thuế với số lượng lớn, có hệ thống nhưng cơ quan thuế chưa kịp thời phát hiện để xử lý.

Thông tin về người nộp thuế phải được cung cấp đúng thời hạn và phải được cập nhật, xử lý thường xuyên, phải lưu giữ tập trung tại cơ sở dữ liệu cấp trung ương, được chia sẻ, khai thác và sử dụng trên phạm vi toàn quốc nhằm giúp cho các cơ quan chức năng có thể trao đổi, khai thác sử dụng thuận tiện, dễ dàng nhằm phục vụ cho mục tiêu quản lý. Pháp luật phải định rõ thời gian tối đa trong việc cung cấp thông tin đối với

từng loại chủ thể, từng hình thức cung cấp thông tin.

Để đảm bảo tính nhanh chóng, chính xác, kịp thời, khách quan trong cung cấp, thu thập, trao đổi thông tin, khai thác xử lý, lưu trữ các nguồn thông tin trong điều kiện các hoạt động kinh tế ngày càng mở rộng, phát triển, đối tượng nộp thuế ngày càng tăng, cần xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực hệ thống thông tin về người nộp thuế, đảm bảo nội dung thông tin đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế hiện đại và phù hợp với chuẩn mực quốc tế; xây dựng và hoàn thiện các quy định xử lý nghiệp vụ quản lý thuế từ đó xây dựng quy trình cập nhật, xử lý, kiểm tra, kiểm soát và lưu trữ các thông tin về người nộp thuế; xây dựng các quy chế phân quyền, phân cấp khai thác và sử dụng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu. Mặt khác, rất cần đến sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ thông tin ở các khâu quản lý thuế.

### **3.2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện quy định pháp luật về nộp thuế điện tử**

Công nghệ thông tin giữ một vai trò quan trọng trong việc triển khai thu nộp thuế TNCN. Cơ quan quản lý thuế quản lý đối tượng nộp thuế, dựa trên những mẫu

tờ khai của cơ quan thuế. Có một thực trạng mà ta đã nhắc đến vào phần trên, đó là tình trạng nghẽn mạng kê khai thuế TNCN. Do đó, cần phải chỉnh sửa chức năng của các ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp và có giải pháp để hệ thống quản lý thuế vận hành “trơn tru” và bổ sung các phần mềm hỗ trợ NNT để NNT có thể dễ dàng tự kê khai, cơ quan thuế cũng có thể quản lý tốt hơn.

Bên cạnh đó, cần hình thành một khuôn khổ pháp lý hiệu quả để đảm bảo cho quá trình thực hiện dịch vụ nộp thuế điện tử được tiến hành nhanh chóng, chủ động và minh bạch. Khung pháp lý này cần hoàn thiện theo các giải pháp sau:

Thứ nhất, cần có quy định buộc ngành thuế đẩy nhanh hơn nữa việc thoả thuận và thống nhất triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử ở tất cả các Ngân hàng, tổ chức tín dụng trên toàn quốc tạo điều kiện tối đa cho NNT sử dụng dịch vụ này.

Thứ hai, cần quy định rõ các trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc NNT đã đăng ký dịch vụ nộp thuế điện tử không thể sử dụng ứng dụng này, thì có thể sử dụng phương thức thanh toán qua hệ thống Ngân hàng, tổ chức tín dụng để hoạt động nộp thuế được đảm bảo thực hiện đủ và đúng hạn.

Thứ ba, cần có quy định về sự phối hợp giữa ngành thuế với các cơ quan trung gian nâng cấp phần mềm để xây dựng một hệ thống xử lý dữ liệu và triển khai ứng dụng nộp thuế điện tử chuẩn xác và phù hợp với thực tiễn.

Ứng dụng nộp thuế điện tử nói riêng và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản

lý thuế nói chung là yêu cầu quan trọng trong công tác quản lý thuế hiện đại. Vì vậy, những cơ sở pháp lý nhằm đẩy mạnh các ứng dụng này để triển khai vào thực tiễn là thực sự cần thiết.

### **3.3. Tích cực tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế và xử lý vi phạm pháp luật thuế TNCN**

Khi Luật thuế TNCN đã dần đi vào quen thuộc với người dân, nhiệm vụ đặt ra với toàn ngành là tập trung triển khai các biện pháp tăng thu ngân sách, trong đó đặc biệt chú trọng tới công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành Luật thuế TNCN tại các đơn vị chi trả thu nhập, các văn phòng đại diện... Bên cạnh đó, cần phải phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ban ngành ở Trung ương và địa phương để triển khai các

giải pháp chống gian lận trong kê khai thuế, đặc biệt là trong chuyển nhượng bất động sản. Cơ quan quản lý thuế cũng cần phối hợp với hội đồng tư vấn thuế xã phường để kiểm soát việc kê khai giảm trừ người phụ thuộc.

Cùng với việc hoàn thiện cơ chế tự khai tự nộp thuế, thì công tác thanh tra kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật thuế TNCN cần được đẩy mạnh, đòi hỏi cơ quan thuế phải tập trung lực lượng lớn vào việc tuyên truyền và thanh tra kiểm tra việc chấp hành luật thuế. Cơ quan thuế phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng như cơ quan công an, cơ quan ngoại vụ, cơ quan quản lý lao động,... để nắm bắt kịp thời thông tin về đối tượng nộp thuế, nguồn phát sinh thu nhập, có biện pháp phân loại đối tượng nộp thuế thành các nhóm khác nhau để thanh tra, kiểm tra một cách có hiệu quả.

Việc xử lý các trường hợp vi phạm cần phải được thực hiện một cách nghiêm túc và dứt khoát. Cơ quan thuế nếu như phát hiện ra các trường hợp vi phạm và có những bằng chứng cụ thể chứng minh hành vi trốn thuế thì sẽ phải có trách nhiệm nộp phạt đúng thời hạn và đúng số tiền bị phạt. Nếu như có những hành vi chống đối thì cần có sự can thiệp ngay lập tức của cơ quan công an. Việc xử phạt thật nghiêm minh sẽ là điều kiện quan trọng để giảm bớt các trường hợp vi phạm.

Đặc biệt trong giai đoạn tới, cơ quan quản lý thuế cần tăng cường công tác kiểm tra đối với thu nhập của ca sĩ, giới nghệ sĩ, họa sĩ... họ là những người có thu nhập cao, nhưng các khoản thuế họ đóng chưa tương xứng với lợi nhuận mà họ nhận được. Việc quản lý các đối tượng này rất khó, đòi hỏi ngành thuế cần có phương pháp, biện pháp nghiệp vụ thích hợp mới có thể điều tra để truy thu và xử phạt trong trường hợp đối tượng có sai phạm.

Cơ quan quản lý thuế cần phải thường xuyên kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động, thu nhập của ca sĩ bằng cách phối hợp với Sở Văn hóa Thông tin để nắm rõ giấy phép

biểu diễn, từ đó mới có thể tính mẫu thuế thu nhập của họ. Cục thuế cần phải kiểm tra chặt chẽ các phòng trà bằng cách nâng thuế phòng trà, quán bar lên, buộc họ phải chứng minh chi phí của mình một cách rõ ràng (như buộc ca sĩ khi nhận tiền cát xê phải có ký nhận). Như thế việc tính biểu mẫu thuế thu nhập đối với ca sĩ sẽ được thực hiện nhanh chóng dễ dàng hơn. Các ca sĩ chịu sự quản lý của đơn vị tổ chức mà không kê khai nộp thuế sẽ bị buộc cấm biểu diễn. Bên cạnh đó, cơ quan thuế cũng nên lưu ý đến việc thu thuế thu nhập cá nhân của giới họa sĩ mà nhất là họa sĩ mà tranh của họ bán với giá rất cao, nên có những biện pháp để huy động tính tự giác của các họa sĩ.

## KẾT LUẬN

Pháp luật quản lý thuế nói chung và pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân nói riêng nhìn chung đã phát huy được mục đích và vai trò của mình. Trong quá trình thực thi pháp luật, do sự phát triển không ngừng của xã hội, các quy định của pháp luật dần bộc lộ những hạn chế. Trước yêu cầu của giai đoạn phát triển đất nước, việc tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân là điều tất yếu và đặc biệt trong tình hình Việt Nam hiện nay, khi chúng ta đang tiếp cận với nhiều nền văn minh, kinh tế hiện đại của các quốc gia khác trên thế giới, thì việc đòi hỏi phải nâng cao chất lượng công tác quản lý về mọi mặt, cũng như xây dựng thể chế chính sách pháp luật phù hợp, để tạo dựng một hành lang pháp lý chắc chắn khi bước trên trường quốc tế càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Việc nghiên cứu, xác lập định hướng và nội dung cơ bản hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân là hoạt động thiết thực, góp phần vào công cuộc cải cách hệ thống pháp luật thuế chung của nước nhà. “Dân giàu, nước mạnh” câu nói ấy là luôn đúng trong mọi thời điểm phát triển của đất nước. Pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân chính là một phương thức để thúc đẩy người dân sống và làm việc, làm giàu chính đáng, để đóng góp một phần lợi ích nhỏ của mình vào sự phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng pháp luật, vẫn còn đó những bất cập mà ngày một ngày hai chưa thể giải quyết dứt điểm được.

Quản lý thuế thu nhập cá nhân là một vấn đề phức tạp, pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân càng cần được nghiên cứu sâu rộng và toàn diện. Chính vì vậy, báo cáo không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Hy vọng rằng, với những vấn đề nghiên cứu được tác giả đặt ra phần nào đã nêu rõ được thực trạng về pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam, đồng thời tác giả cũng đưa ra một số những giải pháp, mong rằng có thể áp dụng trong thực tiễn, để góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế thu nhập cá nhân trong thời gian tới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Nguyệt Châu (2017), *Giáo trình Luật tài chính*, Nxb Đại học Cần Thơ.
2. Dương Đăng Chính (2018), *Giáo trình lý thuyết tài chính*, Nxb Tài Chính.
3. Lê Anh Khoa, Trần Phương Liên (2017), *Những kiến thức cơ bản về thuế, quản lý thuế*, Nxb Thống kê.
4. Trường Đại học kinh tế quốc dân (2017), *Giáo trình quản lý thuế*, Nxb Thống kê.
5. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật thuế Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. <http://www.thuvienphapluat.vn>
7. <http://www.thongtinphapluatdansu.wordpress.vn>.
8. <http://www.taichinhnhanuoc.com>.
9. <http://www.doanhnhaphapluat.vn>.
10. <http://thienanlaw.com.vn>.